BUỔI 1 -30/03/2020

Người khai là chủ hàng/ chủ ptvt/ ng uỷ thác
Đối tượng: hh xnk (chủ hàng, uỷ thác cho đại lý, logistics, cty giao nhận), ptien vtai xuất nhập cảnh (chủ ptvt)
Khi nào thì thủ tục hải quan đối với một lô hàng được hoàn thành? Khi chủ hàng chấp hành đầy đủ công việc mà pháp luật hải quan yêu cầu liên quan đến việc quản lý lô hàng.

CHƯƠNG II: PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

BUỔI 2 6/4

Tại sao danh mục HS lại cần được thay đổi
=> Bổ sung, hợp lại hoặc chia tách
=> Hoàn thiện danh mục, để chức năng quản lý hải quan hoàn thiện hơn. HS thay đổi, danh mục các QG thành viên cũng phải thay đổi Chú giải pháp lý sau tên phần, chương, nhóm, phần

Có một hàng hóa có tên/mô tả là: NGỰA SỐNG. Các bạn tìm mã HS của hàng hóa trên qua các bước nào?
=> Xem mục lục danh mục HS. Tra cứu thấy phần 1 tên là Động vật sống và sp từ đv sống, thấy chương 1 tên là động vật sống -> tìm trong chương 1. tra cứu thấy nhiều khả năng thuộc phần 1, chương 1 -> Đọc chú giải phần 1 -> Đọc chú giải chương 1 -> đọc mô tả các nhóm trong chương 1

BUỔI 3: 9/4

các thành viên của HS phải giống nhau 6 chữ số đầu
HS có 97 chương, or 96 vì chương 77 k quy định gì

Nhóm 42.02 chỉ bao gồm Hòm, vali làm từ những vật liệu liệt kê ở cuối mô tả đúng hay sai?
=> sai vì dấu ; ngăn cách độc lập 2 ý

09/4/2020 20/02/2020

Chỉ áp thuế cho HH có cấp độ 8 số

Phân nhóm k cần theo số thứ tự, đầu phân nhóm là 1, cuối phân nhóm là 9

Biểu thuế XK ít hh và 0% vì kk xuất khẩu

MFN là 0% thì thuế thông thường là bn?
=> 5%

Tại sao biểu thuế NK ưu đãi của VN có 98 chương trong khi HS chỉ có 97 chương? Có vi phạm HS không vì VN phải áp dụng nguyên si HS trừ việc cụ thể hóa mã HS thành cấp độ 8 chữ số?

=> Không, xây dựng thêm 98 lọc hh thuộc 97 chương còn lại và áp cho cno mã 98 , khi khai báo nếu ghi mã 98 thì mở ngoặc ghi mã chuẩn 1-97

Thông tư 103 bộ tài chính

Các quy tắc phân loại TỔNG QUÁT (GIR)

QT1: Mô tả của hh cần phân loại giống với mô tả mã HS
QT2a: Xe đạp thiếu yên

QT1 sang QT5 luôn được
QT6 ad khi tìm được nhóm của hàng

BUỔI 4 13/4

QUY TẮC 1

Việc phân loại hàng hóa luôn phải dùng QT6?
=> Sai. vì nhiều khi mục đích của chúng ta là chỉ cần xác định được nhóm hàng chứ k phải phân nhóm của hàng , chỉ cần dùng 1-5 là được.
>.< Còn phân loại trong quá trình khai báo hải quan thì bắt buộc phải xđ được phân nhóm (vì phân nhóm mới có mã thuế của hàng) của hàng nên kbh chúng ta bỏ qua được QT6

Nếu công nhận: Đa số hàng hóa được phân loại vào nhóm dựa vào quy tắc 1. Thì nhận định sau đúng hay sai: Đa phần hàng hóa được phân loại vào phân nhóm sử dụng quy tắc 1.
=> nhưng thực ra là đúng: Vì QT6 là việc áp dụng lại các QT1-5, trong khi đó QT1 là QT áp dụng phổ biến nhất. Thực ra việc xác định phân nhóm thông thường chỉ là áp dụng QT1 mấy lần? 2 LẦN; NHÓM VÀ PHÂN NHÓM (90% hàng hóa trong TMQT chỉ cần dùng QT1 là xđ được mã HS)

Không thể phát biểu: Việc tìm được mã HS của 1 hàng DỰA VÀO tra cứu tên Phần, tên chương

Cơ sở pháp lý của việc phân loại bao gồm:
1. Nội dung nhóm;
2. Chú giải phần, chương.

Giá trị pháp lý của Nội dung nhóm và các chú giải phần chương là NGANG NHAU khi phân loại

Theo các bạn thực tế nên ưu tiên cái nào hơn?
=>Việc phân loại luôn phải dựa vào nội dung nhóm NHƯNG phải Ưu tiên CHÚ GIẢI trước rồi đến NỘI DUNG nhóm

Thế nào là phân loại dựa vào nội dung nhóm?
=> So sánh nội dung nhóm với mô tả của hàng hóa cần phân loại/ cần tìm mã HS

Tại sao lại nói: Đa phần hàng hóa được phân loại dựa vào QT1?

=> Đúng. Vì HS được xây dựng công phu, bao gồm hầu như tất cả hàng hóa trong mua bán QT

Phân loại hàng chưa hoàn thiện hoặc tháo rời ntn nếu dùng QT1?
=> Không dùng được QT1, vd: Xe đạp thiếu yên xe KHÔNG BAO GIỜ ĐƯỢC ĐỊNH DANH TRONG DANH MỤC HS.

Không thể dùng QT1 để phân loại tất cả hàng hóa chưa hoàn thiện hoặc tháo rời??? Đúng hay sai?
=> SAI. Vì có thể vẫn được định danh trong danh mục. Phải dùng từ ĐA SỐ chứ không phải TẤT CẢ

QUY TẮC 2A

Vế 2 của QT2A có 2 ý:

- Y1: Hàng chưa lắp ráp đồng bộ cùng nhóm với hàng đã lắp ráp. (công việc lắp ráp phải đơn giản, k tốn nhiều chi phí)
  VD: xe đạp tháo rời toàn bộ linh kiện : yên, khung, lốp, vành,... lắp ráp lại thành xe đạp hoàn thiện thì những bộ phận tháo rời khi được NK sẽ có mã của cái xe đạp

- Y2: Hàng chưa lắp ráp **<u>và chưa hoàn thiện</u>** (thiếu bộ phận) nhưng mang đặc tính cơ bản của hàng hoàn thiện cùng nhóm với hàng lắp ráp hoàn thiện
  VD: Cũng VD trên nhưng thiếu yên, mặc dù k đồng bộ nhưng cũng được phân loại như xe đạp có yên vì đã mang đặc tính cơ bản của xe hoàn thiện

Tại sao áo sơ mi thiếu cúc được phân loại như áo sơ mi hoàn thiện?
=> Vì nó đã mang đặc tính cơ bản của áo sơ mi

Y1:

- Phôi (phôi chìa khóa được phân loại như chìa khóa) (chưa dùng ngay được, hình dáng bên ngoài giống hh hoàn chỉnh, chỉ được sd để làm ra hàng hoàn chỉnh, chưa được định danh ở nhóm nào trong danh mục)
- Hình phác

Y2: Đặc tính cơ bản:

- ***hình dáng*** giống như hh hoàn chỉnh hoàn thiện,
- đạt ***công dụng*** gần như hh hoàn chỉnh
- để trở thành hh hoàn chỉnh ***k cần nhiều giá trị***
- từ hh chưa hoàn chỉnh đó ***chỉ*** có thể tạo ra hh hoàn chỉnh đã ***có mã HS*** rồi

Súng thiếu nòng?
=> Không. Vì chưa mang đặc tính cơ bản của súng hoàn thiện (trị giá nòng súng rất đắt, công dụng k tương đương)
Súng chưa có cò thì được

ô tô thiếu bánh
=> được

ô tô thiếu động cơ
=> không

BUỔI 5 20/4

TRẢ LỜI ĐÚNG SAI VÀ GIẢI THÍCH NGẮN GỌN:
1. Công việc quan trọng nhất trong quá trình làm thủ tục hải quan của chủ hàng là Khai báo hải quan.
2. Việt Nam vi phạm công ước HS vì Biểu thuế nhập khẩu của Việt Nam có 98 chương trong khi danh mục HS chỉ có 97 chương.
3. Áp dụng quy tắc phân loại 1 đơn thuần là việc so sánh giữa mô tả hàng hóa cần phân loại với mô tả của một nhóm đã có trong danh mục HS.
4. Quy tắc phân loại 2A cho phép phân loại hàng chưa lắp ráp đồng bộ hoặc chưa đồng bộ vào nhóm của hàng đã lắp ráp đồng bộ.

Câu 1: Đúng
Giải thích:
- Công việc của chủ hàng khi làm thủ tục hải quan gồm: Khai HQ và thực hiện các chỉ thị của HQ
- Nội dung khai HQ: HS, XX, trị giá HQ

Câu 2: Sai
- Vì chương 98 là chương bao gồm các dòng thuế (mã HS) áp dụng chế độ thuế NK ưu đãi riêng (vd Hàng NK của Bộ QP ...).
- Mặc dù có mã 98 nhưng khi khai báo HQ vẫn phải khai mã gốc của HH trong 97 chương trước đó, tức là các dòng thuế trong chương 98 được lấy ra từ 97 chương phía trước.

Câu 3: Sai
Phải kết hợp với các chú giải pháp lý (Ưu tiên các chú giải trước) VD: cá, động vật làm xiếc ...
Câu 4: Sai
- Chỉ phân loại HH bằng 2a khi không dùng được QT1
- Chỉ phân loại như vậy khi: việc lắp ráp đơn giản và/ hoặc hàng chưa đồng bộ sau khi lắp ráp phải mang đặc tính cơ bản của hàng đồng bộ, hoàn thiện

QUY TẮC 2B
QT2B
- Vế 1: Chất A thuộc nhóm X, chất B thuộc nhóm Y thì hợp chất của A+B sẽ thuộc nhóm X hoặc nhóm Y (X Y có thể giống hoặc khác nhau)

QT2B của HS có khẳng định việc phân loại hỗn hợp/ hàng hóa là hỗn hợp vào nhóm của 1 chất trong hỗn hợp/ hàng hóa là hỗn hợp hay không?
=> Có. Trong thông tư VN có 1 chú giải tương đối dễ hiểu và sát với 2B của HS: XI

Hàng là hỗn hợp của a, b, c. a thuộc nhóm A, b thuộc nhóm B, c thuộc nhóm C. thì hàng có thể thuộc nhóm A,B,C
=> Hàng thuộc nhóm nào còn phụ thuộc QT3

QT2B chỉ **định hướng** việc phân loại , xác định các nhóm ' tiềm năng ' Còn việc **phân loại chính xác** hàng thuộc nhóm nào (hàng là hỗn hợp) thì phải dùng **QT3**

QT2B trên thực tế có dùng để phân loại (xđ cxac mã HS của hh) hay k?
=> không, chỉ định hướng

Ống dẫn nước bằng hỗn hợp đồng và nhôm theo tỷ lệ: Đồng x%, Nhôm y%
Với hh này, nếu nói k thể dùng QT2B để phân loại đúng hay S?
=> Vừa đúng vừa sai

- Nếu coi 2B để định hướng thì dùng 2B được
- Nếu coi 2B để tìm mã HS thì k được, phải sang QT3

2B và 3B khác nhau hoàn toàn
- 2B khoanh vùng nhóm hàng tiềm năng, đầu vào QT3B
- 3B thừa kế 2B để xđ nhóm dựa vào thành phần hoặc chất tạo nên đặc tính cơ bản của hàng

1. Bản dịch của VN chưa chuẩn
2. QT2B chủ yếu định hướng việc phân loại
3. Có 2 TH dùng 2B để xđ mã HS
- Hàng đề cập tới đơn chất nhưng chắc chắn là hàng hợp chất
- Hàng đề cập tới nhiều hơn 1 chất nhưng THOẠT NHÌN k thể phân loại vào nhiều hơn 1 nhóm

Trên thực tế, QT2B có được sử dụng nhiều khi phân loại hàng hóa là hỗn hợp không?
=> Dùng để định hướng , khoanh vùng các nhóm tiềm năng làm đầu vào cho QT3B

BUỔI 7 23/04

Thắt lưng 1 mặt làm bằng da, 1 mặt làm bằng nhựa. Có dùng Qt2B để phân loại tìm mã HS của hàng trên không? tại sao?
=> Câu trả lời: KHÔNG.
Vì: Thoạt nhìn, có thể đưa hàng vào nhóm Nhựa hoặc Da. Mặt khác, QT 2B chỉ định hướng, khoanh vùng 2 nhóm trên mà không thể xác định cụ thể nhóm nào

Có dùng QT3A được không?
=> KHÔNG vì mỗi nhóm tiềm năng chỉ đề cập tới một nguyên liệu trong hàng hóa.

QUY TẮC 3B

Mặt da hay nhựa quan trọng hơn?
=> Da .
Công dụng của thắt lưng là gì?
=> Công dụng của thắt lưng: Chống tụt q... và làm đẹp

Bột đá mài: 40% •Vật liệu không dệt: 30% •Keo dính: 20% •Dung môi: 10%
=> Thoạt nhìn đưa vào 2 nhóm đầu

Một bịch quà Tết gồm thuốc lá, rượu, hộp bánh và chè? Có dùng 3B k?
=> Không dùng. Vì không cùng thực hiện 1 chức năng chung (giá trị sử dụng)

QT3B áp dụng:
- Hàng hóa là hỗn hợp (không thể dùng 2B và 3A);
- Hàng hóa nhiều thành phần được sắp xếp cùng chức năng;
- Bộ sản phẩm đóng gói bán lẻ.

Hàng nhập khẩu gồm Tất và dây buộc giày đóng gói cùng nhau Dưới dạng quà tặng
=> 3C

QUY TẮC 4

QT4: Đưa hàng vào nhóm có mô tả gần nhất
AD vs những hh mới, chưa được định danh trong danh mục
Khác QT1 ở chỗ gần giống nhất: mô tả, đđ, tc, mđ sd

IPAD giống mt xách tay hay đth ?
Ipad là hàng hóa mới, trên thực tế: ĐTDĐ có mã 85 còn Lap có mã chương 84

- Khác điện thoại
- Giống Lap: công dụng, đặc điểm, thao tác,...

QUY TẮC 5

Quy tắc 5 về CƠ BẢN có thể dùng độc lập, dùng cho bao bì

Không mang tính chất cơ bản của bộ hàng hóa. SỬA THÀNH Không mang đặc tính nổi trội hơn hàng hóa chứa đựng

Bao đay đựng gạo, phân loại như gạo dùng 5B mà không phải 5A. Vì sao?
=> Nhìn không biết trước là chứa hàng gì

Bình ga?
Không dùng cái nào. Vì nổi trội hơn so với gas và tái sd

BÌnh ga dùng 1 lần
=> 5B vì 5A dùng đi dùng lại

Container?
Không dùng QT nào vì nổi trội hơn hàng (5A) và tái sử dụng (5B)

QUY TẮC 6 : AD lại QT1-5 vs đkiien chỉ So sánh phân nhóm cùng loại (cùng gạch)

Việc phân loại HH luôn dùng QT6?
=> Sai, chỉ đúng nếu Nhằm mục đích xđ thuế suất thì đúng

Để đảm bảo tính pháp lý, việc phân loại hàng hóa vào các phân nhóm của một nhóm phải được xác định phù hợp theo nội dung của từng phân nhóm , các chú giải phân nhóm có liên quan.
Đoạn này giống QT1 không?
=> Có giống

- Chỉ so sánh các phân nhóm cùng GẠCH
- Vế 2: Chú giải Phần, chương cũng phải xem xét. NHưng ưu tiên chú giải và nội dung của phân nhóm hơn

Sản phẩm hỗn hợp gồm: • Tôm: 1605.20 (50%) • Sò: 1605.90 (30%) • Mực: 1605.90 (20%)
=> Dùng QT1 xác định được nhóm 16.05; DÙng tiếp QT3C xác định được phân nhóm 1605.90 (=AD QT6)

CHƯƠNG III: XUẤT XỨ HÀNG HÓA

BUỔI 8 27/4

FTA tạo nên 2 hiệu ứng đồng thời

- Hiệu ứng tạo lập TMai giữa các nước tv FTA
- Hiệu ứng chệch hướng Tmai

1 đất nước có thể k có QTXX ưu đãi nhưng bắt buộc phải có QTXX k ưu đãi?
=> Đúng. Các QG có XNK phải có QTXX. Vì XNK thì phải có QTXX để xác định hàng XK có XX từ nước mình, hàng hoá nhập khẩu vào nước mình có XX từ đâu. Hàng hoá trong mua bán phải có XX, mđ đơn giản là biết hàng có nguồn gốc từ đâu

Cơ chế tạo lập TMai trong FTA ntn? = Tại sao FTA tăng cường trao đổi thương mại giữa các nước thành viên?

- Thứ nhất XK sang các nước đối tác FTA sẽ hấp dẫn hơn do **thuế quan giảm sâu**. Dẫn tới hàng hóa cạnh tranh hơn tại thị trường đối tác FTA. *VD: VN-Chile*
- Thứ 2, FTA tăng động lực nhập khẩu **NVL, bán thành phẩm** từ đối tác FTA vì 2 lí do
    + Thuế NK giảm
    + Nhập khẩu NVL, bán thành phẩm từ đối tác FTA để sx thành phẩm XK sang chính nước FTA đó vì sẽ đáp ứng yêu cầu về xuất xứ NVL *VD; WO, RVC bnh %,...vì nếu NK từ nước khác FTA thì sẽ k có XX*

Bản thân XXHH có phải một công cụ chính sách Tmai?
XXHH mang tính chất khách quan, luôn luôn tồn tại. XXHH k phải là 1 công cụ chính sách
=> Quy tắc XX

- giúp xác đjnh hàng có XX từ nước nào, QTXX khó, dễ,...=> Hàng hóa có dễ đạt được XX hay k. QTXX càng chặt hàng càng khó đạt XX nhưng cái lợi việc giả XX của những nước ngoài hiệp định là khó hơn nhiều (tính 2 mặt)
  VD: cùng 1 HH, ad QTXX A có XX nước X, ad QTXX B có XX nước Y
- là Công cụ chính sách TMai
- mang tính chất chủ quan do con người xây dựng lên (khác XX mang tchat khách quan luôn luôn có)
- *VD: FTA Mexico HKy, muốn nước cam có QTXX thì cam phải có XX thuần túy từ Mexico nhưng Mexico không trồng được cam, NK từ Brazil, Colombia... => QTXX khó, nước cam k có được QTXX*

Công ước Kyoto, QTXX đơn phương, song phương và đa phương

- QTXX **đơn phương** là
    + QTXX <u>không ưu đãi của các QG</u>
    + và QTXX <u>ưu đãi trong khuôn khổ GSP</u> do các nước cho hưởng GSP đơn phương xây dựng (vd EU cho VN)
- QTXX **song phương và đa phương (**thuộc các hiệp định như CPTPP...)
    + Do <u>2 hay nhiều</u> nước đàm phán xây dựng trong khuôn khổ <u>BFTA</u> (bilateral free trade agreement) hoặc <u>RFTA</u> (regional free trade agreement)

1 QG có thể k có QTXX ưu đãi nhưng bắt buộc phải có QTXX ko ưu đãi (tự xd QTXX của mình ad vs hh k hưởng ưu đãi)

Thuế MFN có phải thuế ưu đãi k?
=> Theo WTO, QTXX ưu đãi: FTA (ưu đãi lẫn nhau) hoặc GSP (ưu đãi 1 chiều),k gồm MFN
QTXX k ưu đãi: MFN

Vì sao WTO nói QTXX không ưu đãi áp dụng với MFN?

=> Vì MFN là thứ các nước áp dụng chung trong WTO nên không được coi là ưu đãi
VN vẫn có 3 loại: thuế thông thường, thuế ưu đãi, thuế ưu đãi đặc biệt
Trên thực tế thuế thông thường căn bản giống MFN (mặc dù thuế thông thường = 1.5 MFN, ít áp dụng, vì k là thành viên WTO cũng có thỏa thuận MFN)

Khi NK hàng từ đối tác WTO để hưởng MFN có cần CO không? Nếu có thì CO loại gì?
=> Không cần, nếu có là CO không ưu đãi (Form B)

Tính chất bảo hộ của QTXX

- Bảo hộ đối với hàng NK của các nước ngoài FTA (hiệu ứng chệch hướng Tmai)
- Bảo hộ vs chính tvien FTA

VD: Trong ATIGA, quy định RVC >= 40% thì hàng mới có XX ASEAN (Hàm lượng giá trị ASEAN trong giá FOB của hàng XK tối thiểu 40%)

RVC khó dự đoán?
=> RVC khó dự đoán vì Giá của các yếu tố đầu vào để xđ RVC có thể biến động: Giá NL đầu vào, nhân công, CP bán hàng, vch, lưu kho,... nguồn cung NVl có thể thay đổi từ nước có XX sang nước k có XX nên dẫn tới RVC thấp hoặc cao

CTC dễ dự đoán?
=> CTC là tiêu chí về cơ bản là dễ dự đoán. Vì quy trình sản xuất ra 1 HH nhất định cần những NVL gì thì chúng ta biết. VD áo cần có vải, chỉ, khuy, về cơ bản mã HS cố định, quy trình rất ít khi xảy ra sự thay đổi. Có thể có 1 danh mục mã HS mới những mã nó lại khác, việc dự đoán đúng 100% là điều k thể

Tiêu chí dễ dự đoán nhất là tiêu chí SP: công đoạn gia công chế biến nào mà HH phải trải qua ở nước XK để hàng có có được XX từ nước XK thì được liệt kê rõ ra. VD cái nơ : cắt-may- chỉnh trang, nếu nhập vải thì k đáp ứng tiêu chí SP

PHÂN LOẠI QUY TẮC XUẤT XỨ

• Theo tiêu chí xuất xứ:

- Tiêu chí thu được toàn bộ (wholly obtained): Áp dụng với hàng hóa có xuất xứ thuần túy;
- Tiêu chí chuyển đổi cơ bản (substantial transformation): Áp dụng với hàng hóa có xuất xứ không thuần túy => tạo nên sự chuyển đổi cơ bản của hàng hóa:
    + Chuyển mã HS (CTC): CC, CTH, CTSH => HH có mã HS # NVL đầu vào không XX.
    + Tỷ lệ % giá trị nội địa/ khu vực RVC: Hàm lượng giá trị nguyên liệu có xuất xứ trên tổng trị giá hàng XK (giá FOB).
    + Công đoạn gia công, chế biến

• Theo mục đích sử dụng:

- QTXX không ưu đãi:
- QTXX ưu đãi:

CTC
Hàng có XX là hàng thỏa mãn yêu cầu QTXX để có XX của nước XK
VD: hàng VN XK sang Chile thỏa mãn QTXX trong hiệp định VN-Chile thì được gọi là hàng có XX VN

Hàng k có XX :

- hàng có XX từ nước k phải thành viên FTA,
  VD V-C FTA hàng lại có XX Trung Quốc
- hàng k XĐ được XX từ QG hay lãnh thổ nào
  VD XK cà phê đóng gói (A) sang Chile: Cafe (buôn mê thuột : có XX VN). sữa - Y (TQ: k có XX), đường - Z (kb NK từ đâu,k xđ được XX=> k có XX). NL Y&Z: k có XX được coi là đã chuyển đổi CTH thành công và hàng A được coi là có XX k thuần túy từ VN/ASEAN
  *Nếu mã HS Y&Z # mã HS của hàng A thì hàng A được coi là thỏa mãn **CTC** và có XX*

CTC có áp dụng với cấp độ trên 6 số mã HS k?
=> ko, do danh mục HS chỉ tối đa cấp độ 6 số và các QG có mã HS cho HH ở cấp độ 6 số là giống nhau, vì trên 6 số mỗi quốc gia có thể quy định khác nhau

Khi XK xin CO thì mã HS ghi trên CO là mã HS của nước NK hay XK?
=> nước NK , nếu mã áp dụng trong biểu thuế của nước XK và NK khác nhau thì trên CO phải ghi mã HS của nước NK

Tiêu chí CTC loại trừ (excluded from...) : loại trừ 1 số mã HS nhất định, những mã HS nhất định đó được coi là NVL đầu vào để sx ra HH đó. *VD:Nếu HH A áp dụng tiêu chí CTH loại trừ NVL X thì NVL X phải có XX trong khuôn khổ FTA* (nếu k có thì k được, kể cả mã có khác vs A cũng k được coi là chuyển đổi hạng mục thuế quan) => tiêu chí phổ biến trong các FTA

Hoa Kỳ có cho VN hưởng GSP k? EU, Nhật Bản, Canada có
=> Không, chưa từng (phải đánh đổi thể chế, chính trị,...)

RVC: thông dụng nhất là 40%

Ngoài GR: RVC chung 40% thì còn có RVC riêng PSR cho từng mặt hàng *vd HĐịnh A-Korean Tôm 35%, bộ phận xe máy 45%,..*

VN chọn cách tính RVC gián tiếp

Cách nào hay hơn nếu là ng XK?
=> gián tiếp để k lộ giá thành đầu vào và lợi nhuận

Thông thường RVC gián tiếp sẽ cao hơn RVC trực tiếp khoảng 10%

CPTPP: RVC gián tiếp: 40-45%, RVC trực tiếp: 50-55%

Tiêu chí SP (công đoạn gia công chế biến cụ thể): hàng hóa phải trải qua những công đoạn sx chế biến nào thì mới có XX và liệt kê rõ những công đoạn đó ra. => quy định mất thời gian
VD: AFTA qđ SX nơ: cắt, may và chỉnh trang CMT thì đáp ứng SP đối với nơ
CPTPP: QT SP (specific process) hàng dệt may phải đáp ứng đủ 3 công đoạn: kéo sợi, dệt vải, may
VN chủ yếu nhập vải sau khi đã nhuộm...
=> quy định dễ dự đoán nhất

Tiêu chí WO - FTA: thu được toàn bộ từ nước thành viên XK

VD: WO - ATIGA: hàng có XX thu được toàn bộ từ VN, hàng XK từ VN sang TLan tiêu chí XX là WO thì tức là hàng thu được toàn bộ từ Việt Nam

Tiêu chí WO - CPTPP: hàng do VN XK nhưng k nhất thiết phải thu được toàn bộ từ VN: 1 phần từ VN, 1 phần từ các nước thành viên CPTPP
VD: 1 phần thu được từ VN - Malaysia - Canada, gộp lại là 100% gtri hàng => XK sang nước CPTPP khác vd NB => hàng thỏa mãn thu được toàn bộ từ CPTPP.

Tiêu chí PE (produced entirely) được chế tạo từ toàn bộ nguyên liệu có xuất xứ
VD: chế tạo từ toàn bộ NVL có WO (XX thuần túy) hoặc từ NVL có XX đáp ứng tiêu chí RVC
SX áo: vải là đáp ứng tiêu chí WO, chỉ RVC 40%, cúc đáp ứng tiêu chí CTH => đều là NL có XX thì đáp ứng tiêu chí PE

CO

Việc xác định XXHH được thể hiện bằng các CO?
=> Chứng nhận XXHH KHÔNG NHẤT THIẾT phải là CO: có thể chứng nhận trên HĐTM, tờ khai HQ (mục XX) -> declaration theo Kyoto

Cơ chế cấp chứng nhận XX truyền thống là cơ chế cấp CO bởi cơ quan có thẩm quyền, phát sinh nhiều nhược điểm
=> giảm động lực tận dụng ưu đãi TMai FTA vì

- nhiều khi CPhi trực/ gián tiếp để xin CO từ cơ quan có thẩm quyền với lợi ích đạt được từ việc có CO k tương xứng vs nhau.
- Mà trên thực tế lợi ích đạt được CO là cho NNK chứ k phải NXK

=> có CO giảm thuế => NNK hưởng chứ k phải NXK hưởng
=> Lợi ích lâu dài cho NNK: Hàng của anh cạnh tranh hơn, hàng hóa của nước anh phổ biến và cạnh tranh hơn
=> CO nộp chậm bộ chứng từ TToan sẽ nộp chậm mà CO được cấp sau khi hàng giao lên tàu: có vận đơn ms xin CO được => xin CO chậm tiền về chậm
=> Tỷ lệ tận dụng ưu đãi FTA của VN thấp : 30% = kim ngạch XK có CO sang đối tác FTA/ kim ngạch XK sang đối tác FTA trong năm đó , k chuẩn vì có những giao dịch k nằm trong FTA, MFN=FTA=0% chỉ lấy FTA<MFN

Tự chứng nhận XX (self-certificate)

- NXK tự chứng nhận trên các chứng từ TMai của lô hàng (thông thường hóa đơn) => giá trị tương đương CO
  + NXK được cấp phép tự chứng nhận (VN đang ad trong ASEAN: DN nhỏ, vừa trở lên, XK chính hàng mình sx, phải có cán bộ được đào tạo nghiệp vụ tự chứng nhận do BCT đào tạo)
  + Bất kì NXK nào
- NNK tự chứng nhận (CPTPP ad, VN đang bảo lưu): NNK hưởng thuế NK trên tờ khai HQ ...tùy quy định

=> tăng động lực tận dụng ưu đãi

BUỔI 10 5/4

Càng mã HS về sau tính chế biến càng cao

QTXXKUD theo Luật VN chia tiêu chí chính (CTC), tiêu chí bổ sung (RVC, SP) còn CPTPP k xác định chính phụ mà QTXX cụ thể với từng hàng hóa ở cấp độ 6 chữ số

De minimis - CTC
De minimis là gì? => ad vs CTC
=> Tỷ lệ không đáng kể nguyên vật liệu không xx và không chuyển đổi CTC so với thành phẩm

Dùng De minimis để làm gì?
=> Dễ thỏa mãn tiêu chí CTC hơn

De minimis thường dao động 10-15% tùy Hiệp Định

De minimis thường áp dụng với giá trị. Riêng đối với hàng dệt may, thì de minimis còn có thể áp dụng với khối lượng giúp cho hh kiểu như thế dễ có XX k thuần túy hơn.

- Vì hàng dệt may là hàng duy nhất mà mô tả có đề cập tới klg các thành phần tạo nên hàng hóa (50-63). Đối với hàng dệt may có đặc thù,
- 1 số NVL dệt may mặc dù khối lượng rất nhẹ so với thành phẩm, klg phần lụa may cổ k đáng kể nhưng giá trị lớn, nếu lụa k chuyển đổi CTC thì áo bnh có XX được, lụa có thể chiếm 50% giá trị áo

Đúng sai giải thích: Deminimis càng cao thì hàng càng dễ có xuất xứ thuần túy hơn?
=> SAI: De mimimis áp dụng với tiêu chí CTC dùng cho xx KHÔNG thuần túy

Yếu tố chính của QTXX ưu đãi:
- thỏa mãn đk XX/ k XX
- vận chuyển HH trực tiếp khép kín, tránh tình trạng chuyển tải (tráo, gia công thêm, ...) trừ trường hợp BKK lánh nạn, phải nguyên trạng, được quá cảnh nếu là thành viên của FTA
- CO của nước XK cấp, cơ quan chức năng của nước NK ktra và xác minh
    + Có 2 cách XM: trực tiếp (FTA mới - khi tiếp nhận CO có quyền trực tiếp yc NSX cho mình đến để ktra để chứng minh) và gián tiếp (cơ quan chức năng của nước NK yêu cầu cơ quan chức năng của nước NK ktra rồi báo cáo)

Xác minh xx trực tiếp giúp giảm gian lận xx hàng hóa?
=> Đúng. Xác minh trực tiếp cực kỳ chặt chẽ

De minimis: CTC

Cộng gộp - RVC

Cộng gộp giúp cho tiêu chí RVC dễ thỏa mãn hơn?
=> Đúng, ATIGA: **Cộng gộp** là qđ áp dụng vs XX k thuần túy mà sd QT **RVC** => dễ có XX k thuần túy hơn, dễ thỏa mãn tiêu chí RVC hơn và được hưởng ưu đãi ATIGA

Trong GSP cũng có Cộng gộp, gọi Cộng gộp là Quy tắc bảo trợ
VD: hàng VN XK sang EU phải đáp ứng RVC 50%, hàng VN 1tr$ đáp ứng 400k$, 100k $ NK từ chính EU nên được phép cộng vào nên đủ

3 kiểu cộng gộp cơ bản:

1. **CG thông thường**: cộng gộp gtri NVL từ thành viên nước FTA khác khi NVL có XX từ thành viên FTA đó (có XX thuần túy/ có XX k thuần túy CTC RVC SP)

VD: VN XK áo sơ mi sang TLan, RVC 40% giá FOB, VN mới có 30% giả sử trị giá 100k$, nhập thêm từ Malay NVL có trị giá 10k $, nếu áp dụng cộng gộp thông thường được phép áp dụng nếu NVL đó có XX Malay (có XX thuần túy/ có XX k thuần túy CTC RVC SP)
=> đủ 40% CO Form D và được hưởng ưu đãi ATIGA

2. **Cộng gộp đầy đủ:**
- ad trong FTA mới (CPTPP) là trị giá có XX của các nước thành viên CPTPP bao nhiêu thì cộng đúng bấy nhiêu vào dù là 0,001%, Malay chỉ có 1$ trong 10k$ tiền vải còn lại từ Trung Quốc,..nhưng khi sd 10k$ vẫn được cộng 1$ vào.
- FTA cũ cũng ad QT này (ASEAN - ÚC ...với hàng dệt may)

3. **Cộng gộp từng phần** (partial cummulation) : chỉ áp dụng trong khuôn khổ hợp tác ASEAN (trong ATIGA) (k đáp ứng 40% RVC nhưng phải vượt quá 20%),
- phần NK từ Malay nếu 40% thì cộng đủ 100k$,
- nếu 20-<40: cộng đúng phần trị giá NVL theo RVC thực tế

=> chỉ được phép cộng đúng phần có XX ASEAN , CO Form D (ASEAN) (CO form D này nhằm mục đích cộng gộp từng phần cho quá trình sản xuất tiếp theo tại Việt Nam (hoặc một nước thành viên ASEAN khác), Hưởng ưu đãi thuế quan)
EVFTA cho phép cộng gộp hàng hóa có xuất xứ HÀN QUỐC

Đúng sai giải thích: Đối với nguyên vật liệu có RVC Asean lớn hơn 20% nhưng nhỏ hơn 40% vẫn có CO Form D để hưởng ưu đãi thuế ATIGA khi xuất khẩu sang nước thành viên Asean khác
=> Sai ạ.
- hàng hóa được cấp C/O form D nhưng không được hưởng ưu đãi thuế quan ATIGA, vì C/O này được sử dụng cho mục đích cộng gộp vào quá trình sản xuất tiếp theo tại Việt Nam (hoặc một nước thành viên ASEAN khác)
- không đáp ứng Tiêu chí RVC trong ATIGA

CHƯƠNG 4: TRỊ GIÁ HẢI QUAN

Trị giá thống kê đối với hàng NK là giá CIF or DAF?
=> Sai. chỉ đúng khi hàng k thuộc đối tượng chịu thuế, được xét miễn thuế:
TH Thuộc đối tượng chịu thuế: Là trị giá tính thuế, chưa chắc là CIF hay DAF, phải tuân thủ theo PP xđ trị giá

Các loại thuế phải nộp khi XNK
- Thuế quan (thông thường, ưu đãi, tự vệ, chống bán phá giá,..) => trị giá tính thuế là thuế quan (THUẾ XK & NK)
- Thuế VAT
- Thuế tiêu thụ đb (nếu có)
- Thuế liên quan đến Bve mtrg (xăng, dầu, hóa chất)

(Trị giá tính thuế + thuế quan phải nộp) mới là trị giá để tính các loại thuế tiếp theo

Trị giá tính thuế:
- HHXK: Giá bán tại cửa khẩu XK đầu tiên (chưa bao gồm I, F quốc tế)

VD: cửa khẩu XK đầu tiên là cảng HP, HĐồng qđ giá CIF 1100$ thì phải quy ra giá FOB= CIF - I (hóa đơn phí BH) -F (hóa đơn cước phí) . Thuế XK= trị giá tính thuế x thuế suất thuế XK
XK đường bộ: DAF, XK đường hàng không: FCA

- HHNK: Giá phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, xác định tuần tự bằng 6 phương pháp và dừng lại ở phương pháp nào giúp xác định được trị giá.

Xác định được nhiều hơn 1 lô hàng XK giống hệt/ tương tự???
=> Dùng lô hàng có trị giá thấp nhất nếu có nhiều hơn 1 lô giống hệt

Tại thời điểm đăng ký TKHQ, hàng XK chưa có giá chính thức?
=> Khi hàng hóa (kể cả XK hay NK) chưa có giá chính thức: Khai giá tạm tính để xđ trị giá tạm tính , xđ thuế tạm tính , nếu sau có giá chính thức thì có thể nộp thêm hoặc hoàn phí

BUỔI 11 7/5

Giống hệt: cùng nhãn hiệu hoặc được ủy quyền
Tương tự: k cần cùng nhãn hiệu

Giá hóa đơn 100, giảm giá 10%, thực thanh toán 90. Hỏi trị giá tt dựa trên 100 hay 90?
=> 90

Thông tư 39, Nếu thỏa mãn các yêu cầu, khoản giảm giá sẽ được phép trừ khỏi trị giá tính thuế
- giảm giá phải do **lý do thông thường**:mua bán theo cấp độ thương mại khác nhau:
  + mua buôn giảm hơn mua lẻ
  + cấp độ khác nhau (mua nhiều giảm hơn mua ít)
  + thanh toán ngay giảm hơn thanh toán chậm
- giảm giá phải được **lập thành văn bản** trước thời điểm xếp hàng lên ptvt tại nước XK : nằm trên HĐ mua bán, hoặc kí phát hóa đơn k được muộn hơn ngày vận đơn, ...
- Giảm giá phải **phù hợp vs đk giảm giá công bố bởi người bán**
  vd: 1000-2000 giảm 10% => mua 1500 giảm 15% là k phù hợp
- ĐK thanh toán **100% bằng tín dụng chứng từ hoặc chuyển tiền qua ngân hàng**

Nếu giảm giá cao quá sẽ gặp rắc rối
- =<5% quyền thuộc về cục trưởng cục hải quan thành phố
- > 5% thuộc tổng cục trưởng

Giá khai báo thấp hơn nhiều so với giá hàng hóa làm thủ tục HQ,

Điều chỉnh cộng: có thì cộng theo PP1, cái nào k có hóa đơn thì chuyển phương pháp
Điều chỉnh trừ (nằm trong trị giá mới trừ): k có chứng từ thì coi như k có khoản trừ (trừ CP lưu kho, vận chuyển,...)'

Nội dung các khoản phải cộng:
1. Chí phí hoa hồng bán hàng, phí môi giới;
   Ntac cộng phí môi giới: chỉ trả trong TH ng NK trả, ng XK trả thì k cần cộng

2. Chi phí bao bì gắn liền với HH NK;
   + bao bì gắn liền với HH: coi như là hàng
   + Chi phí bao bì: Cp NVL, cpsx, nhân công, đóng gói, ... (bao bì đặc biệt:, thùng thì k tính)

3. Chi phí đóng gói hàng hoá (cả NVL và nhân công);
    +
4. Khoản trợ giúp: trị giá HH, DV người mua cung cấp miễn phí/giảm giá, trực tiếp hoặc gián tiếp cho người SX hoặc người bán;
    + Giảm giá bao nhiêu phải cộng phần giảm vào
    + Vd: Cung cấp dịch vụ tư vấn, chuyên gia: trị giá khoản trợ giúp là bao nhiêu thì cộng vào nếu chưa cộng tí nào

5. Phí bản quyền/giấy phép trả cho việc sử dụng các quyền SHTT liên quan đến HH NK;
    +
6. Các khoản tiền người NK phải trả từ số tiền thu được sau khi định đoạt HH NK, được chuyển trực tiếp/gián tiếp cho người bán;
7. Chi phí vận tải và mọi chi phí khác có liên quan trực tiếp đến vận tải HH NK cho đến khi HH đến cửa khẩu nhập đầu tiên.
8. Chi phí bảo hiểm HH NK đến cửa khẩu nhập đầu tiên.

=> Màu hồng: Nếu biểu cước có VAT của nước NK rồi thì được phép trừ đi phần VAT khỏi chi phí đó (vd thuê hãng tàu VN thì hóa đơn cước phí 110$ gồm cả VAT 10$ rồi thì được phép trừ đi phần VAT khỏi chi phí đó, chỉ cần + 100$)

➔ NK theo giá CIF, lưu cước tàu chợ; có tính chi phí dỡ hàng không?
CIF bao gồm cả chi phí dỡ hàng k tách ra được nên vẫn phải chịu trong trị giá tính thuế

➔ Hàng NK, giá hóa đơn là CFR?
Hàng NK theo đk CFR thì trị giá tính thuế là giá CFR hay giá CIF?
=> Trị giá tính thuế **đường biển** tối thiểu là CFR (do k ép phải mua BH)
=> K thể là giá FOB vì cần có F ms chuyển hàng tới

Có TH cước = 0 do hãng tàu khuyến mãi nhưng vẫn phải khai 1$

Chi phí bến bãi, bốc dỡ, lau dọn mới là chi phí lớn nhất chứ không phải cước phí

➔ Lô hàng gồm nhiều hàng khác nhau, cước phí và phí bảo hiểm tính gộp?
=> 1 con 3 loại hàng 3 mã HS khác nhau, khai gộp vào 1 tờ khai thì có 3 dòng thuế khác nhau tuy nhiên trị giá (TV, tủ lạnh, điều hòa) trên hóa đơn có, nhưng phải cộng thêm cước phí vào phí BH quốc tế vào thì ms tính được giá về đến cửa khẩu đầu tiên. Nhưng cước phí và BH tính gộp phí bảo hiểm thì phân bổ như nào để tính thuế NK từng cái.
Phân bổ cước phí:
- Phân bổ theo biểu cước của hãng tàu nếu rõ ràng cho từng loại hàng
- Nếu không thì theo Khối lượng, thể tích

Phân bổ phí BH
- Phân bổ theo biểu phí BH của công ty BH
- phân bổ theo trị giá (chứ k theo klg)

Phần mềm k được đưa vào trị giá tính thuế mà chỉ tính phương tiện trung gian chứa phần mềm, nếu k tách biệt được trị giá CD và phần mềm thì lấy tổng (nên cần tách biệt hóa đơn)

Hàng đã qua sử dụng (ô tô, xe máy,...được nhập vd theo cơ quan ngoại giao , k phải đối tượng chịu thuế) bán lại mà k tái xuất về nước sở hữu thì phải áp dụng tính thuế riêng mà HQ là người xđinh

- Dưới 6 tháng 90% trị giá...
- 6-1 năm 80%...

BUỔI 12 18/5

CHƯƠNG 5: THỦ TỤC HẢI QUAN

Đối tượng phải làm TTHQ

- Hàng hoá: hàng hữu hình và có mã HS
- PTVT: khi đi qua lãnh thổ bao gồm cả VT đg biển khi đi vào vùng nội thuỷ, quá cảnh qua 1 nước (k học) đối với chủ ptvt (Hãng VT)

Quá trình làm thủ tục HQ và các hình thức khai báo HQ

TRẢ LỜI: Khai báo hải quan -> Đợi quyết định của hải quan (có đăng kí tờ khai hay k, đủ thì được cấp số tờ khai, ktra nội dung khai báo để phân luồng hàng hóa: xanh mức 1 phân luồng hq điện tử, nộp thuế or NH bảo lãnh nộp thuế thì được thông quan or giải phóng hàng- vàng 2 xuất trình chứng từ để ktra hồ sơ dưới dạng giấy, đtu, HYS đính kèm tập tin trên phần mềm VNACCS, ktra hồ sơ ok thông báo thuế, nộp thuế, giải phóng- đỏ đưa hh trên ptvt tới địa điểm quy định kiểm hóa + hồ sơ, ...) -> Thực hiện qđ của hải quan -> thông quan

HYS: Hệ thống đính kèm tập tin

=>>>> Tất cả các DN sau khi thông quan phải lưu trữ hồ sơ trong vòng 5 năm để phục vụ mđ thanh tra (nếu có)

Sửa, bổ sung tờ khai trong vòng 60 ngày còn nếu HQ ra quyết định thanh tra thì vẫn được sửa bổ sung nhưng bị phạt theo pháp luật

CÔNG VIỆC QUAN TRỌNG NHẤT TRONG QUÁ TRÌNH LÀM TTHQ ĐỐI VỚI CHỦ HÀNG XNK LÀ GÌ?
CÂU TRẢ LỜI: KHAI BÁO HẢI QUAN (CUSTOMS DECLARATION)

HÌNH THỨC KHAI BÁO HẢI QUAN:
Truyền thống/ tờ khai giấy -> Khai báo điện tử truyền thống gđ từ 2005-2014 -> Khai điện tử VNACCS/VCIS (2014 tới nay) sử dụng chữ ký số
Khai báo điện tử truyền thống gđ từ 2005-2014:
Truyền thống/ tờ khai giấy: nộp tờ khai + hồ sơ (bản sao hđ mua bán, hóa đơn thương mại

Vietnam automated customs clearance system HỌC của Nhật NACCS: hệ thống thông quan tự động

VCIS Vietnam customs intelligence system: hệ thống thông tin tình báo của hải quan
=> 2 cái này k tách rời nhau vì:

- VNACCS là hệ thống khai báo HQ, đối với HQ: xử lý thông tin khai báo (đủ or thiếu k đủ đk đăng ký, xem hàng hoá có cấm XNK, DN thuộc diện cấm XNK, hạn chế...) để đưa ra QĐ (có được đki tờ khai k, phân luồng nào). Nếu được đăng ký thì sẽ được cấp số tờ khai trong vòng 15 ngày nếu k có hàng thì tờ khai bị huỷ.

- VCIS là hệ thống thông tin tình báo của hải quan. Mỗi tờ khai được truyền đến VNACCS và mỗi tờ khai được thông quan thì thông tin của tờ khai sẽ được tích hợp trên hệ thống VCIS. Đồng thời, thông tin của những tờ khai được thông quan, hệ thống VCIS tích hợp rất nhiều thông tin tình báo hải quan, thông tin liên quan tới chính sách quản lý ở những thời điểm khác nhau: vd như QLRR mặt hàng, QLRR trị giá, QLRR xuất xứ, ... (cập nhật thường xuyên), hệ thống tự động xử lý để đưa ra qđ hành chính
- Đưa ra quyết định hành chính của HQ 1 cách chính xác nhất lấy thông tin từ khai báo trên VNACCS và VCIS chuyển lại
- Những thông tin khai trên VNACCS mà được thông quan thì thông tin của tờ khai đó sẽ được cập nhật vào trong VCIS và mỗi tờ khai được xử lý sẽ lấy thông tin từ VCIS sang

-> VNACCS xử lý trên cơ sở thông tin VCIS và thông tin từ VNACCS sẽ được chuyển vào VCIS để xây dựng kho dữ liệu tình báo của HQ

Tại sao lại automated?
Hệ thống VNACCS tự đưa ra qđ hành chính (phân luồng,...) chứ k phải công chức hải quan

Ưu điểm:
- Đỡ thời gian đi lại
- Triệt tiêu tính quan liêu (hạn chế tiếp xúc trực tiếp giữa người khai và công chức hải quan)
- Giúp tốc độ đưa ra quyết định hành chính và thông quan nhanh
- Đẩy mạnh XNK, tạo thuận lợi hóa thương mại

Khai báo hải quan: Nội dung quan trọng nhất khi khai báo HQ là những nội dung gì?
3 nội dung quan trọng nhất trong quá trình khai báo hải quan là: Mã HS, xuất xứ hàng hóa, trị giá hải quan

Mục đích quan trọng nhất cần của hải quan trong thủ tục hải quan là gì?
Xác định điều kiện xnk của hh và thu đủ thuế

Hàng NK luồng xanh thì nhập (k bị kiểm hoá) -> cơ hội cho doanh nghiệp nhập man (đki gạo hàng hoá là cái khác). Tuy nhiên 5% luồng xanh được đưa vào luồng đỏ kiểm hoá 1 cách ngẫu nhiên

Trong TH k có hiện diện Tmai phải uỷ thác cho người khác

QLRR trong phân luồng Hàng hoá là định lượng?
->> Tất cả qđ của HQ phân luồng TỜ KHAI (k phải hàng hoá) xanh-vàng-đỏ dựa vào kết quả của quá trình quản lý rủi ro (kết quả chấm điểm) xây dựng dựa trên chương trình QLRR của HQ trên cơ sở sd những thông tin của hệ thống tình báo HQ VNACCS và VCIS
=> đưa ra mức độ rủi ro đối với hàng này là cao hay thấp. Từ cao đến thấp dẫn tới mức độ quản lý là chặt chẽ or thoáng
=> quá trình định lượng (dựa vàođiểm): điểm RR cao kiểm soát chặt, điểm RR thấp thì kiểm soát lỏng
=> VD: QLRR trong phân luồng hh XNK (điển hình)
= Tất cả qđ hành chính của HQ đều xd trên kq của QLRR mang tính định lượng
Thông tin tờ khai gửi vào hệ thống VNACCS và được xử lý trên cơ sở hệ thống QLRR bằng cách lấy những thông tin tình báo từ hệ thống VCIS. Có 2 nhóm tiêu chí mà thông tin tờ khai phải đi qua và sau đó được phân luồng

+ Tiêu chí động (thông tin trên tờ khai) : TTin lq đến DN (DN ưu tiên, chấp hành, k chấp hành) . Hàng chạy qua tiêu chí động thoả mãn (DN list xấu, hàng nhạy cảm) đưa ngay vào đỏ
+ Nếu k phải luồng đỏ, chạy tiếp qua tiêu chí tĩnh : 5 chỉ tiêu : lq DN, loại Hàng (HS) có đk quản lý chặt hơn hàng tự do, XX đi từ những nước vùng lãnh thổ khác nhau chế độ khác nhau, hình thức thanh toán (ngay , LC, chuyển tiền, nhờ thu), loại hình XNK (kinh doanh, tái xuất rr cao, nguyên liệu, gia công)

=> Mỗi tiêu chí xđ hệ số RR, tính điểm RR của từng tiêu chí x hệ số RR
R= xíc ma Ki.Ri (i=1-n) , Xic ma Ki= 10

TH nào HQ tự khai
Có những hàng đã qua sd (vd ô tô sử dụng dưới 6 tháng auto 90%), xđ trị giá HQ đb -> HQ xđ, người khai HQ k cần tự khai

Khi nào khai HQ giấy?
Khai HQ giấy trong TH:
- k phải DN k có tài khoản k có chữ ký số k khai qua VNACCS VCIS được,
- cá nhân cũng phải làm TTHQ: mua hàng NK, hàng xách tay quá tiêu chuẩn miễn thuế phải khai tờ khai giấy ở sân bay và tiến hành nộp thuế như bình thường.

TH k cần phải nộp Hoá đơn TMAI?
- NNK thuộc diện có quyền ưu tiên HQ
- Hàng hoá mua bán k thanh toán giữa NXK và NNK ví dụ như công ty mẹ và công ty con
- Hàng k có hoá đơn ví dụ như xách tay về k có hoá đơn thì k phải hạch toán

Đa phần tờ khai sẽ phải xác định trị giá và sẽ phải được khai 1 tờ khai bổ sung là tờ khai trị giá chứ k chỉ đơn thuần khai trên tờ khai VNACCS vì đối với hàng nhập khẩu để tính thuế

1 số TH k phải khai tờ khai trị giá:
- Hàng đủ điều kiện áp dụng Pp trị giá gdich hàng NK
- Ngay trên giao diện của tờ khai VNACCS đã khai đủ trị giá của nó rồi trừ TH hàng thuộc diện nhiều hàng hoá mà có nhiều trị giá mà k đủ chỗ để khai thì mới tách ra thành 2 tờ khai riêng

Đề 1 (4 câu đúng sai)
1. Công việc quan trọng nhất trong quá trình làm thủ tục hải quan của chủ hàng là Khai báo hải quan.
2. Việt Nam vi phạm công ước HS vì Biểu thuế nhập khẩu của Việt Nam có 98 chương trong khi danh mục HS chỉ có 97 chương.
3. Áp dụng quy tắc phân loại 1 đơn thuần là việc so sánh giữa mô tả hàng hóa cần phân loại với mô tả của một nhóm đã có trong danh mục HS.
4. Quy tắc phân loại 2A cho phép phân loại hàng chưa lắp ráp đồng bộ hoặc chưa đồng bộ vào nhóm của hàng đã lắp ráp đồng bộ.

Câu 1: Đúng
- Công việc của chủ hàng khi làm TKHQ gồm: khai HQ và thực hiện các chỉ thị của HQ
- Nội dung khai báo: HS, xuất xứ, trị giá HQ. Trong đó: HS giúp hải quan áp thuế suất, kiểm soát hàng hóa, áp dụng chính xác chính sách quản lí với hàng hóa; Xuất xứ giúp HQ áp thuế suất, và áp dụng chính sách phù hợp; Trị giá HQ giúp thống kê HQ

Câu 2: Sai
Chương 98 là chương bao gồm các dòng thuế áp dụng chế độ ưu đãi riêng. VD: hàng nk của bộ quốc phòng... Dù có mã chương 98 nhưng khi khai báo hải quan vẫn phải khai mã gố của hàng hóa trong 97 chương trước đó. Tức là các dòng thuế trong chương đươợc lấy ra từ 97 chương phía trước.
Câu 3: Sai
Phải kết hợp với các chú giải pháp lí (ưu tiên các chú giải)
(Lấy ví dụ về cá, động vật làm xiếc,..)
Câu 4: Sai
- Chỉ phân loại bằng 2A khi không dùng được quy tắc 1
- Chỉ phân loại như vậy khi:
o Việc lắp ráp đơn giản hoặc hàng chưa đồng bộ
o Sau khi lắp ráp phải mang đặc tính cơ bản của hàng đầy đủ

Đề 2 (15 câu)
Câu 1: Ở Việt Nam hiện nay, tất cả hàng hóa XNK phải khai báo hải quan trên hệ thống VNACCS.
Câu 2: Người khai hải quan có thể khai bổ sung tờ khai trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan.
Câu 3: Hải quan sẽ tiến hành phân luồng tờ khai sau khi người khai báo hải quan đăng ký tờ khai.
Câu 4: Nếu Việt Nam nhập khẩu bán thành phẩm, sau đó gia công chế biến thành hàng thành phẩm X trước khi xuất khẩu thì hàng X sẽ có xuất xứ Việt Nam.
Câu 5: Mức độ và lộ trình giảm thuế quan là nội dung quan trọng nhất trong quá trình đàm phán các FTA.
Câu 6: Deminimis giúp hàng dễ có xuất xứ không thuần túy hơn vì cho phép một tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu đầu vào không có xuất xứ không cần phải đáp ứng tiêu chí CTC.
Câu 7: RVC là tiêu chí xuất xứ không thuần túy khó dự đoán.
Câu 8: Hàng hóa là bao bì sẽ được phân loại bằng quy tắc 5.
Câu 9: Quy tắc 2B không dùng để xác định mã HS của hàng.
Câu 10: Chú giải của phần, chương, phân chương có vai trò quan trọng nhất trong quá trình xác định nhóm và phân nhóm của hàng.
Câu 11: Khi phân bổ cước phí cho nhiều hàng khác nhau trong lô hàng nhập khẩu để xác định trị giá hải quan, ưu tiên phân bổ theo tỷ trọng khối lượng của hàng.
Câu 12: Không thể áp dụng phương pháp trị giá giao dịch để xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu đối với hợp đồng mua bán đối lưu.
Câu 13: Phương pháp trị giá giao dịch là phương pháp được áp dụng nhiều nhất khi xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu.
Câu 14: Phương pháp trị giá khấu trừ thường áp dụng đối với hàng nhập khẩu chuyển đổi mục đích sử dụng sau khi được thông quan.
Câu 15: Phương pháp trị giá tính toán rất ít khi được áp dụng do khó khăn trong việc tiếp cận các yếu tố cấu thành giá hàng tại nước xuất khẩu.

Câu 1: Sai. Vẫn có trường hợp khai bằng giấy:
Khai HQ giấy trong TH:
- k phải DN k có tài khoản, k có chữ ký số, k khai qua VNACCS VCIS được,
- cá nhân cũng phải làm TTHQ: mua hàng NK, hàng xách tay quá tiêu chuẩn miễn thuế phải khai tờ khai giấy ở sân bay và tiến hành nộp thuế như bình thường.

Câu 2: Sai
Vì có những nội dung khai sai là không được phép sửa như: số tờ khai, mã loại hình, mã phân loại hàng hóa,…

Câu 3: Sai
Phải kiểm tra điều kiện đăng ký nếu hợp lệ mới được phân luồng
Câu 4: Sai
Hàng X phải đáp ứng tiêu chí chuyển đổi cơ bản (tùy thuộc vào FTA) mới có xuất xứ Việt Nam
Câu 5: Sai
Quy tắc xuất xứ mới quan trọng nhất, vì giảm thuế sâu mà k đạt được XX thì cũng k được ưu đãi
Câu 6: Sai. Áp dụng duy nhất với hàng may mặc
De minimis thường áp dụng với giá trị. Riêng đối với hàng dệt may, thì de minimis còn có thể áp dụng với khối lượng giúp cho hh kiểu như thế dễ có XX k thuần túy hơn.

- Vì hàng dệt may là hàng duy nhất mà mô tả có đề cập tới klg các thành phần tạo nên hàng hóa (50-63). Đối với hàng dệt may có đặc thù,
- 1 số NVL dệt may mặc dù khối lượng rất nhẹ so với thành phẩm, klg phần lụa may cổ k đáng kể nhưng giá trị lớn, nếu lụa k chuyển đổi CTC thì áo bnh có XX được, lụa có thể chiếm 50% giá trị áo

Câu 7: Đúng. Vì giá nguyên vật liệu thay đổi sẽ dẫn đến RVC thay đổi theo
RVC khó dự đoán vì Giá của các yếu tố đầu vào để xđ RVC có thể biến động: Giá NL đầu vào, nhân công, CP bán hàng, vch, lưu kho,...

Câu 8: Sai
- Nhiều khi hàng hóa bao bì cso thể áp dung quy tắc 1
- Muốn áp dụng quy tắc 5 thì phải thỏa mãn các điều kiện của quy tắc 5
  VD: 5A bao bì mang tính nổi trội hơn, 5B là bao bì k tái sd, dùng 1 lần

Câu 9: Sai
  Có 2 TH dùng 2B để xđ mã HS
- Hàng đề cập tới đơn chất nhưng chắc chắn là hàng hợp chất
- Hàng đề cập tới nhiều hơn 1 chất nhưng THOẠT NHÌN k thể phân loại vào nhiều hơn 1 nhóm

Một số trường hợp vẫn dùng được. VD: hàng đề cập tới nhiều hơn 1 chất nhưng thoạt nhìn không thể phân loại vào nhiều hơn 1 nhóm như Thớt gỗ có móc treo sắt
Câu 10: Sai
Đối với xác định 1 mã nhóm thì đúng nhưng với mã phân nhóm, cái quan trọng hơn là chú giải của phân nhóm.
Câu 11: Sai
Nếu có biểu cước của hàng tàu thì theo hãng tàu, còn hãng tàu không có thì có thể lựa chọn phân bổ theo khối lượng hoặc tiêu chí nào phù hợp.

Phân bổ cước phí:
- Phân bổ theo biểu cước của hãng tàu nếu rõ ràng cho từng loại hàng
- Nếu không thì theo Khối lượng, thể tích

Câu 12: Chưa rõ
Đ: Mua bán đối lưu vi phạm điều kiện vi phạm điều kiện áp dụng của phương pháp trị giá giao dịch do giá cả của hàng nhập phụ thuộc vào giá của hàng hóa khác mà người NK sẽ bán lại cho người XK
=>S: Tuy nhiên nếu xđ được mức độ ảnh hưởng thì có thể điều chỉnh ngay
Câu 13: Đúng
Vì nguyên tắc xác định trị giá theo tinh thần xác định trị giá HQ của WTO là tôn trọng trị giá giao dịch

14: Đúng. Thường áp dụng cho hàng bán rồi nhưng chuyển đổi mục đích
trị giá khấu trừ = giá bán của HH đã được NK nhưng chưa xác định trị giá tính thuế/ Giá bán của hàng giống hệt, tương tự

- Mục đích ban đầu k phải là đối tượng chịu thuế
- Chuyển đổi mđ sd

Câu 15: Đúng
Việc tiếp cận với số liệu chứng từ bên nước XK rất khó

Bonus
1. Việc phân loại hàng hóa khi khai báo HQ luôn phải dùng quy tắc 1
⇨ Đúng vì cần áp thuế.
2. Đa phần hàng hóa được phân loại vào phân nhóm nhờ sử dụng quy tắc 1.
⇨ Đúng vì QT6 là việc áp dụng các QT1 đến 5. Trong đó QT 1 phổ biến nhất
3. Đối với hàng hóa chưa hoàn thiện hoặc tháo rời không thể dung QT1.
⇨ Sai vì vẫn có thể dung QT1 để định danh trong danh mục. Phải dùng từ “đa số” chứu không phải “tất cả”.
4. Deminimis càng cao thì hàng hóa càng dễ có xuất xứ thuần túy hơn.
⇨ Sai. Deminimis chỉ áp dụng với tiêu chí CTC dung cho XX không thuần túy.
5. Xác minh xuất xứ trực tiếp giúp giảm gian lận xuất xứ hàng hóa.
⇨ Đúng vì xác minh trực tiếp chặt chẽ hơn.

Việc phân loại hàng hóa khi khai báo HQ luôn phải dùng quy tắc 1 là đúng hay sai ạ?
=> Đúng vì là QT đầu tiên dùng khi PL, phải đọc chú giải, nội dung, mô tả của nhóm

Danh mục hàng hóa XNK được dùng để xây dựng lên biểu thuế
=> Đúng

"nếu xác định được mức độ ảnh hưởng của các mối quan hệ đặc biệt bằng tiền thì trị giá tính thuế hàng NK sẽ được điều chỉnh theo mức độ ảnh hưởng đó theo phương pháp trị giá giao dịch"
=> Dùng PP khác, k được thì dùng PP6

NVL # mã thì NVL thỏa mãn CTC
Nếu tất cả NVL k có XX sau khi tính đến De mà thỏa mãn CTC thì hàng thành phẩm có XX vì thỏa mãn tiêu chí CTC